

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

Số: 70/2021/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 14 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Xét Tờ trình số 212 /TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 396/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của

các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định:

a) Mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi quy định tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông (*sau đây viết tắt là Thông tư số 69/2021/TT-BTC*), đối với các kỳ thi: kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện và cấp trường các môn văn hóa; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

b) Nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện và cấp trường, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Kon Tum được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

Điều 2. Mức tiền công cụ thể cho từng chức danh thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi theo quy định tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 và điểm a Khoản 12 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC

1. Mức tiền công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ thi tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa; kỳ thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; tập huấn đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia theo Phụ lục I đính kèm Nghị quyết này.

2. Mức tiền công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ thi tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học cơ sở; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) các môn văn hóa; kỳ thi chọn đội tuyển cấp huyện dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; tập huấn đội tuyển cấp huyện dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh: Áp dụng tương ứng bằng 80% mức chi tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tỉnh Kon Tum

1. Nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tỉnh Kon Tum, gồm: Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; Hội thi về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; Hội thi về làm và sử dụng đồ dùng, đồ chơi, học liệu số/thiết kế video; Cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật; Cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp; Hội thi các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; Kỳ thi nghề phổ thông; Kỳ thi cấp chứng chỉ và các kỳ thi khác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Nội dung và mức chi các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo được quy định tại khoản 1 Điều này do Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức: Áp dụng tương ứng bằng 80% mức chi tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Nội dung và mức chi các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo được quy định tại khoản 1 Điều này do cấp trường chủ trì tổ chức: Áp dụng tương ứng bằng 50% mức chi tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Quy định về nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Mức chi tiền công quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi được quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức tiền công cao nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Trang

Phụ lục I**MỨC TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THI***(Kèm theo Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi.			
1.1	Chủ tịch	Đồng/người/ngày	800	
1.2	Phó chủ tịch	Đồng/người/ngày	700	
1.3	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24h/24h).	Đồng/người/ngày	600	
1.4	Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng ngoài.	Đồng/người/ngày	300	
2	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi			
2.1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	800	
2.2	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	700	
2.3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	600	
2.4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	450	
2.5	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	300	
2.6	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi.	Đồng/người/ngày	600	
3	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban Chỉ đạo thi			
3.1	Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	1.000	
3.2	Phó Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	750	
3.3	Ủy viên, thư ký.	Đồng/người/ngày	600	
3.4	Nhân viên phục vụ.	Đồng/người/ngày	300	
4	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng thi			
4.1	Chủ tịch	Đồng/người/ngày	800	
4.2	Phó chủ tịch	Đồng/người/ngày	700	
4.3	Ủy viên	Đồng/người/ngày	600	
5	Các chức danh là thành viên của Ban Thư ký Hội đồng thi			
5.1	Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	750	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
5.2	Phó Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	700	
5.3	Ủy viên.	Đồng/người/ngày	600	
6	Các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban Coi thi			
6.1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	750	
6.2	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	700	
6.3	Ủy viên, Thư ký, Giám thị	Đồng/người/ngày	600	
6.4	Công an, bảo vệ	Đồng/người/ngày	300	
7	Các chức danh là thành viên của Ban/Tổ làm phách			
7.1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	750	
7.2	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	700	
7.3	Ủy viên, thư ký.	Đồng/người/ngày	600	
7.4	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	450	
7.5	Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	300	
8	Các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi			
8.1	Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	800	
8.2	Phó Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	700	
8.3	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên.	Đồng/người/ngày	600	
8.4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Đồng/người/ngày	300	
9	Chi tiền công ra đề thi			
9.1	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi.			
	- Chủ trì.	Đồng/người/ngày	800	
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	600	
9.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận.			
	- Đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/đề theo phân môn	800	
	- Đề thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/đề theo	900	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
		phân môn		
9.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm đáp án, biểu điểm đối với đề thi tuyển sinh đầu cấp, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi chọn vào đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia			
	- Đề thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	600	
	- Đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	1.000	
	- Đề thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/người/ngày	1.200	
	- Đề thi thực hành kỳ thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/người/ngày	1.200	
	- Đề thi nói gồm 10 chủ đề	Đồng/người/ngày	600	
10	Chi tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
10.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	800	
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	600	
10.2	Chi soạn thảo câu hỏi thô.	Đồng/câu	70	
10.3	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi.	Đồng/câu	60	
10.4	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm.	Đồng/câu	50	
10.5	Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi.	Đồng/câu	35	
10.6	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	10	
10.7	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	750	
	- Các thành viên	Đồng/người/ngày	600	
11	Chi tiền công chấm bài thi¹			
11.1	Chấm bài thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Đồng/người/ngày	750	

¹ Định mức chấm bài thi tự luận, thi nói và thi thực hành, bài thi tin học theo ngày của mỗi cán bộ chấm thi:

- Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia/ cấp tỉnh và chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ cấp huyện: Tối đa 20 bài/người/ngày;
- Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thi tuyển sinh đầu cấp: Tối đa 30 bài/người/ngày.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
11.2	Chấm bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	675	
11.3	Chấm bài thi tự luận/trắc nghiệm kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	600	
11.4	Chấm bài thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	525	
12	Chi tiền công chấm phúc khảo bài thi, chấm thẩm định			
12.1	Chi tiền công chấm phúc khảo bài thi			
	- Chấm phúc khảo bài thi chọn đội tuyển	Đồng/người/ngày	600	
	- Chấm phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	525	
	- Chấm phúc khảo bài thi tự luận/trắc nghiệm kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	450	
	- Chấm phúc khảo bài thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	375	
12.2	Chi tiền công chấm thẩm định bài thi			
	- Chấm thẩm định bài thi chọn đội tuyển	Đồng/người/ngày	480	
	- Chấm thẩm định bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	420	
	- Chấm thẩm định bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	360	
	- Chấm thẩm định bài thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	300	
13	Chi tiền công tập huấn các đội tuyển			
13.1	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Đồng/người/ngày	450	
13.2	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, dạy thực hành	Đồng/người/giờ	250	
13.3	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Đồng/người/ngày	450	

Phụ lục II**NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM***(Kèm theo Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
I	MỨC TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN KHI THAM GIA CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO DO SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CHỦ TRÌ TỔ CHỨC (CẤP TỈNH)			
1	Nội dung chi và mức chi cho các cuộc thi và hội thi			
a	Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban tổ chức			
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	640	
	- Phó Trưởng ban thường trực	Đồng/người/ngày	600	
	- Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	560	
	- Thành viên, thư ký	Đồng/người/ngày	480	
b	Mức chi tiền công cho công tác chấm thi			
	- Định mức chấm thi (dự giờ 1 tiết)	Đồng/người/tiết	175	
	- Chấm sản phẩm dự thi	Đồng/người/sản phẩm	175	
	- Chấm bài kiểm tra năng lực giáo viên, bài soạn giáo án	Đồng/người/bài soạn	175	
c	Mức chi tiền công cho Tổ trưởng, Tổ phó các tổ chấm			
		Đồng/người/đợt	240	
d	Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm.			
	<i>Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao</i>			
2	Nội dung chi và mức chi cho các kỳ thi: Nghề phổ thông, cấp chứng chỉ			
a	Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng			
	- Chủ tịch	Đồng/người/ngày	640	
	- Phó Chủ tịch thường trực	Đồng/người/ngày	600	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	- Phó Chủ tịch	Đồng/người/ngày	560	
	- Ủy viên, thư ký	Đồng/người/ngày	480	
b	Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên các Ban Ra đề, In sao đề thi, Coi thi, Chấm thi, làm phách. Phúc khảo bài thi... thuộc Hội đồng thi			
	- Trưởng ban	Đồng/người/ngày	600	
	- Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	560	
	- Ủy viên, thư ký các ban coi thi/chấm thi, Giám thị, Giám sát	Đồng/người/ngày	480	
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ, công an	Đồng/người/ngày	240	
c	Mức chi tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm đáp án, biểu điểm			
	- Đề thi Nghề Phổ thông	Đồng/người/ngày	525	
	- Đề thi cấp chứng chỉ	Đồng/người/ngày	480	
d	Mức chi tiền công chấm bài²			
	- Chấm bài thi Nghề Phổ thông	Đồng/người/ngày	420	
	- Chấm bài thi cấp chứng chỉ	Đồng/người/ngày	420	
đ	Mức chi tiền công tổ trưởng chấm thi	Đồng/người/đợt	240	
II	CHI TIỀN CÔNG XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI			
1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	520	
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	390	
2	Chi soạn thảo câu hỏi thô.	Đồng/câu	46	
3	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi.	Đồng/câu	39	
4	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm.	Đồng/câu	33	
5	Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	23	
6	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa (được quản lý trên phần mềm máy tính)	Đồng/câu	6,5	
7	Tiền công phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi	Đồng/báo cáo/	520	

² Định mức chấm bài thi theo ngày của mỗi cán bộ chấm thi: Tối đa 50 bài/người/ngày.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
		đề thi		
8	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	488	
	- Các thành viên	Đồng/người/ngày	390	
III	CHI TIỀN CÔNG THANH TRA, KIỂM TRA TRƯỚC, TRONG VÀ SAU KHI THI			
1	Chi tiền công thanh tra			<i>Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm.</i>
	- Trưởng đoàn thanh tra	Đồng/người/ngày	600	
	- Thanh tra viên độc lập	Đồng/người/ngày	560	
	- Đoàn viên thanh tra	Đồng/người/ngày	480	
2	Chi tiền công kiểm tra			
	- Trưởng đoàn kiểm tra	Đồng/người/ngày	480	
	- Kiểm tra viên độc lập	Đồng/người/ngày	448	
	- Thành viên đoàn kiểm tra	Đồng/người/ngày	384	
IV	HỖ TRỢ TIỀN ĂN CHO NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG KHU VỰC CÁCH LY, BẢO VỆ BÀI THI, ĐỀ THI (Áp dụng cho tất cả các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo)	Đồng/người/ngày	207	
V	CÁC KHOẢN CHI PHÍ THEO THỰC TẾ ĐỂ CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	<i>Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong khả năng nguồn kinh phí và phạm vi dự toán được giao.</i>		